TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2023/DS-PT
Ngày 24 - 5 - 2023.
"V/v tranh chấp đất đai"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Minh
Các Thẩm phán: Ông Hồ Ngọc Tiếp
Bà Trần Thị Mỹ Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Như Quỳnh – Thư ký, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An: Bà Trần Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17 và 24 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2023/TLPT-DS ngày 06 tháng 4 năm 2023 về "Tranh chấp đất đai".

Do có kháng cáo của các bị đơn ông Nguyễn Văn D, Trần Đình T và ông Nguyễn Văn L đối với bản án Dân sự sơ thẩm số: 21/2022/DS-ST ngày 16/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 10/2023/QĐPT-DS ngày 06 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trương Bảo T, sinh năm: 1981
Nơi ĐKHKTT: Khối 5A, Thị Trấn T, huyện H, tỉnh N - Có mặt.

Bị đơn:

1. Ông Trần Đình T, sinh năm: 1950 - Có mặt.
2. Bà Dương Thị N sinh năm 1954 - Vắng mặt.
3. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1964 - Vắng mặt.

- Đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn D: Ông Nguyễn Văn Liêm
Địa chỉ: Thị Trấn T, huyện H, tỉnh N – Có mặt.

4. Bà Đỗ Thị N, sinh năm 1966 - Có mặt.
5. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1957 - Có mặt.
6. Bà Đinh Thị L, sinh năm 1961 - Có mặt.

Đều trú tại: Khối 5A, Thị Trấn T, huyện H, tỉnh N.

- Đại diện theo ủy quyền của bà Dương Thị N: Ông Trần Minh Trọng

Địa chỉ: Khối 5A, Thị Trấn T, huyện H, tỉnh N – Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Trần Đình S, sinh năm 1980 - Vắng mặt.

Trú tại:Khối 5A, Thị Trấn T, huyện H, tỉnh N.

2. Chị Phan Thị Kiều O; sinh năm 1978- Vắng mặt.

Địa chỉ: Khối 1A, thị trấn Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

Đại diện theo ủy quyền của chị Phan Thị Kiều O: Anh Trương Bảo T (nguyên đơn) – Có mặt.

Do có kháng cáo của ông Trần Đình T, ông Nguyễn Văn D và ông Nguyễn Văn L - là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản án Dân sự sơ thẩm số: 21/2022/DS-ST ngày 16/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án có nội dung như sau:

Vào năm 2012, anh Trung và chị Phan Thị Kiều O cùng nhau nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 73, tờ bản đố số 23, tại khối 12 (nay là khối 5A) Thị Trấn T, huyện H, tỉnh N từ ông Nguyễn Xuân Huệ.

Sau khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Nguyễn Xuân Huệ thì anh và chị Phan Thị Kiều O đã được Ủy ban nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00387 mang tên Trương Bảo T với nội dung cùng sử dụng chung với người khác là Phan Thị Kiều O đối với thửa đất số 73, tờ bản đố só 23 với diện tích là 1.116m^2 ngày 05/02/2013.

Trong quá trình sử dụng thì thửa đất số 73, tờ bản đồ số 23 bị vợ chồng ông Nguyễn Văn D và bà Đỗ Thị N lấn chiếm thửa đất với diện tích là 19,9m^2 và vợ chồng ông Trần Đình T, bà Dương Thị N và anh Trần Đình S là con của ông Trần Đình T và bà Dương Thị N lấn chiếm 61,5m^2.

Nay ông Trung yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn D và bà Đỗ Thị N trả lại cho ông phần diện tích đã lấn chiếm là 19,9m^2 và yêu cầu vợ chồng ông Trần Đình T, bà Dương Thị N và anh Trần Đình S là con của ông Trần Đình T và bà Dương Thị N trả lại phần diện tích đất đã lấn chiếm là 61,5m^2.

Trong quá trình khởi kiện ông có yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn L và bà Đinh Thị L trả lại phần diện tích mà anh cho rằng ông Lam

và bà Liên đã lấn chiếm. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm ông rút toàn bộ yêu cầu này.

Trình bày của các bị đơn:

- Ý kiến của bị đơn ông Trần Đình T và bà Dương Thị N:

Ông Tam và bà Năm không chấp nhận yêu cầu của ông Trương Bảo T về việc đề nghị Tòa án buộc vợ chồng ông T, bà N và anh S trả lại phần diện tích 61,5m^2. Bởi lý do bản thân gia đình ông không lấn chiếm phần diện tích này. Khi ông Trương Bảo T và bà Phan Thị Kiều O nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Nguyễn Xuân Huệ thì bản thân ông và gia đình không được biết. Chỉ đến khi ông Nguyễn Xuân Huệ bàn giao đất cho ông Trương Bảo T thì ông mới biết và các bên đã đóng cọc xác định ranh giới với nhau. Việc nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Xuân Huệ và ông Trương Bảo T và bà Phan Thị Kiều O là không đúng trình tự thủ tục.

- Ý kiến của bị đơn ông Nguyễn Văn D, bà Đỗ Thị N.

Ông Dương và bà Nguyệt không chấp nhận yêu cầu của ông Trương Bảo T về việc đề nghị Tòa án buộc vợ chồng ông D, bà Nguyệt trả lại phần diện tích 19,9m^2. Bởi lý do bản thân gia đình ông, bà không lấn chiếm phần diện tích này. Phần diện tích ông Trương Bảo T cho rằng gia đình đã lấn chiếm là của gia đình ông, bà sử dụng ổn định từ trước tới nay. Bản thân thửa đất này là của bố mẹ ông D đã cho ông khi ông kết hôn với bà Đỗ Thị N. Ban đầu lối đi vào thửa đất mà ông Trương Bảo T đã nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Xuân Huệ không được thể hiện trên bản đồ 299 mà chỉ có một lối đi nhỏ. Lối đi này hình thành từ giai đoạn nào ông không rõ. Vì khi lớn lên ông đã thấy có lối đi này, hơn nữa khi ông Trương Bảo T và bà Phan Thị Kiều O nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Nguyễn Xuân Huệ thì bản thân ông và gia đình không được biết. Việc nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Xuân Huệ và ông Trương Bảo T và bà Phan Thị Kiều O là không đúng trình tự.

- Ý kiến của bị đơn ông Nguyễn Văn L và bà Đinh Thị L.

Việc ông Trương Bảo T khởi kiện như thế ông và bà không nhất trí. Tại phiên tòa hôm nay ông Trương Bảo T rút yêu cầu khởi kiện đối với ông và bà thì ông và bà không nhất trí và ông Nguyễn Văn L cho rằng việc nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Xuân Huệ và ông Trương Bảo T và bà Phan Thị Kiều O là không đúng trình tự.

Ý kiến của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ý kiến của anh Trần Đình S thống nhất như lời khai của bị đơn ông Trần Đình T và bà Dương Thị N trình bày.

Ý kiến của bà Phan Thị Kiều O thống nhất như lời khai của nguyên đơn là ông Trương Bảo T trình bày.

Với nội dung trên, Bản án Dân sự sơ thẩm số 21/2022/DS-ST ngày 16/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An quyết định:

Căn cứ vào: khoản 9, Điều 26; Điều 35, Điều 147, Điều 157, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 256 của Bộ luật dân sự 2005; Điều 100, Điều 202 và Điều 203 Luật Đất đai. Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Đình chỉ việc giải quyết yêu cầu của ông Trương Bảo T đối với yêu cầu ông Nguyễn Văn L và bà Đinh Thị L về việc trả lại phần diện tích đất đã lấn chiếm tại thửa đất số 73, tờ bản đồ số 23 tại khối 5A, Thị Trấn T, huyện H, tỉnh N.

Nguyên đơn có quyền khởi kiện lại theo quy định.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ôngTrương Bảo T.

Buộc ông Nguyễn Văn D và bà Đỗ Thị N phải tháo dỡ toàn bộ bờ rào, để trả lại phần diện tích đất 19,9m^2 tại thửa đất số 73, tờ bản đồ số 23 tại khối 5A, Thị Trấn T, huyện H, tỉnh N cho ông Trương Bảo T và bà Phan Thị Kiều O (Có sơ đồ kèm theo).

Buộc ông Trần Đình T, bà Dương Thị N và anh Trần Đình S trả lại phần diện tích 61,5m^2 tại thửa đất số 73, tờ bản đồ số 23 tại khối 5A, Thị Trấn T, huyện H, tỉnh N cho ông Trương Bảo T và bà Phan Thị Kiều O (Có sơ đồ kèm theo).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 30/5/2022, bị đơn ông Nguyễn Văn L kháng cáo toàn bộ bản án dân sự số 21/2022/DS-ST ngày 16/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Chương, với nội dung: Đề nghị tòa án xem xét lại toàn bộ bản án.

Ngày 18/5/2022, bị đơn ông Trần Đình T và ông Nguyễn Văn D kháng cáo toàn bộ bản án dân sự số 21/2022/DS-ST ngày 16/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Chương, với nội dung: Không chấp nhận nội dung của bản án sơ thẩm vì các gia đình đã sử dụng ổn định từ trước đến nay không tranh chấp và chính ông T là người khi mua đất đã cắm mốc giới giữa các hộ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

- Ông Nguyễn Văn L, ông Trần Đình T và ông Nguyễn Văn D giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Nguyên đơn ông Trương Bảo T giữ nguyên nội dung khởi kiện.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An:

Về tố tụng: Kháng cáo của các bị đơn là hợp lệ đề nghị xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán và thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện tuân theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuy nhiên có vi phạm thời gian mở phiên tòa.

Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Trần Đình T, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn D thấy rằng:

Bản án sơ thẩm không thu thập bản đồ địa chính và biến động đất qua các thời kỳ, không thu thập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn D, bà Đỗ Thị N, ông Trần Đình T, bà Dương Thị N anh Trần Đình S mà chỉ căn cứ vào ranh giới hiện trạng sử dụng đất so với ranh giới được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là chưa xem xét khách quan, toàn diện vụ án, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Do đó, có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Trần Đình T và ông Nguyễn Văn D. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn L.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, chấp nhận kháng cáo của ông Trần Đình T, ông Nguyễn Văn D. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn L, hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Thanh Chương xét xử lại theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và ý kiến của các đương sự có mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo đúng quy định tại các Điều 271, 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự nên kháng cáo hợp lệ, được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Trần Đình T, ông Nguyễn Văn L và ông Nguyễn Văn D, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Thửa đất của nguyên đơn ông Trương Bảo T theo bản đồ 299 là thửa đất số 315, tờ bản đồ số 3, diện tích 850m^2 tại khối 12, Thị Trấn T, huyện H, tỉnh N, nay là thửa đất số 73, tờ bản đồ số 23, diện tích 1.116m^2. Nguồn gốc thửa đất là của gia đình bà Trịnh Thị Minh sử dụng từ trước năm 1980, năm 1997 bà Minh được

cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 850m^2. Sau khi bà Minh chết, con trai bà Minh là ông Nguyễn Xuân Huệ được nhận di sản thừa kế và năm 2012 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên diện tích 1.116m^2. Cùng năm 2012, nguyên đơn ông T nhận chuyển nhượng toàn bộ quyền sử dụng đất thửa đất số 73 của ông Huệ và được cấp giấy CNQSD đất với diện tích 1.116m^2. Năm 2013, ông T phát hiện 03 hộ liền kề lấn chiếm đất của gia đình ông nên ông T khởi kiện vụ án yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn D, bà Đỗ Thị N tháo dỡ bờ rào trả lại 19,9m^2; buộc ông Trần Đình T, bà Dương Thị N anh Trần Đình S trả lại 61,5m^2; buộc ông Nguyễn Văn L, bà Đinh Thị L trả lại diện tích đất lấn chiếm nhưng tại phiên tòa sơ thẩm ông T đã rút yêu cầu này.

Căn cứ tài liệu có tại hồ sơ thể hiện: Thửa đất của bị đơn ông Nguyễn Văn D, bà Đỗ Thị N theo bản đồ 299 là thửa đất số 314, tờ bản đồ 3, diện tích 440m^2 đã được cấp giấy CNQSD đất năm 1997, nay là thửa đất số 72, tờ bản đồ số 23, diện tích 454m^2.

Thửa đất của bị đơn ông Trần Đình T, bà Dương Thị N anh Trần Đình S theo bản đồ 299 là thửa đất số 314, tờ bản đồ 3, diện tích 1.509m^2 và thửa đất số 311, tờ bản đồ số 3, diện tích 414m^2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1997 mang tên ông Nguyễn Văn Lưu (bố ông Tam) nay là thửa đất số 67, tờ bản đồ số 23, diện tích 1824m^2.

Thửa đất của bị đơn ông Nguyễn Văn L, bà Đinh Thị L theo bản đồ 299 là thửa đất số 314, tờ bản đồ 3, diện tích 440m^2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1997, nay là thửa đất số 84, tờ bản đồ số 23, diện tích 947m^2.

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trương Bảo T và các bị đơn đều thừa nhận khi mua đất từ ông Huệ, thì giữa ông Huệ và ông T có đến thửa đất để giao đất. Khi giao đất ông T là người cắm các mốc giới giữa các hộ liền lề để làm ranh giới thửa đất. Căn cứ Biên bản thẩm định tại chỗ ngày 10/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Chương thấy rằng phần tiếp giáp giữa gia đình ông T và gia đình ông Lam (thửa đất số 73 và số 23) được phân định bằng dãy cọc bê tông và mép ngoài của các cây tro bên phần đất của ông T. Phần tiếp giáp giữa gia đình ông Trần Đình T và phần đất của ông T và bà Oanh (Thửa đất số 73 và 67) là dãy cọc bê tông chèn sắt hàng rào trên phần đất ông T. Đối với các cọc bê tông các bên đương sự đều thừa nhận ông T là người trực tiếp chèn cọc bê tông giữa các hộ làm ranh giới. Đối với phần tranh chấp giữa ông Trương Bảo T và gia đình ông Nguyễn Văn D là bờ tường gia đình ông D đã xây dựng từ năm 2010. Như vậy, từ khí nhận chuyển nhượng từ ông Huệ đến nay hiện trạng thửa đất số 73 không thay đổi. Căn cứ bản đồ 299, bản đồ địa chính 2005, bản đồ địa chính năm 2018 thấy rằng các bản đồ địa chính qua các thời kỳ có sự thay đổi và mâu thuẫn với nhau. Tuy nhiên, căn cứ tài liệu có tại hồ sơ thì thửa đất số 73 tiếp giáp 07 hộ liền kề,

giữa các hộ liền kề từ trước đến nay sử dụng ổn định và có ranh giới sử dụng đất giữa các hộ. Bản án sơ thẩm căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bản đồ địa chính năm 2005 để xác định gia đình ông T, bà N và anh S lấn chiếm diện tích 61,5m^2; ông Nguyễn Văn D và bà Đỗ Thị N lấn chiếm diện tích 19,9m^2 là không có căn cứ. Quá trình giải quyết vụ án ông T không xuất trình được các tài liệu chứng cứ cho rằng sau khi nhận chuyển nhượng các gia đình bị đơn mới lấn chiếm như đơn khởi kiện trình bày để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình.

Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn L, thấy rằng: Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn rút đơn khởi kiện yêu cầu ông Lam trả lại phần đất lấn chiếm. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ đối với phần khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định tại Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, kháng cáo của ông Trần Văn L là không có căn cứ.

Từ những phân tích trên, có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Trần Đình T, ông Nguyễn Văn D; Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn L; Sửa một phần bản án sơ thẩm.

[4] Đối với đề nghị hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại do cấp sơ thẩm chưa xác minh và cung cấp đầy đủ bản đồ qua các thời kỳ, Hội đồng xét xử thấy rằng, sau khi thụ lý phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An có quyết định ủy thác thu thập chứng cứ, đã thu thập các bản đồ qua các thời kỳ, bản đồ 299 và bản đồ địa chính 2005, 2018. Do đó, không cần thiết phải hủy bản án để xét xử lại.

[5]. Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của ông Trần Đình T và ông Nguyễn Văn D được chấp nhận nên không phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm. Đối với ông Nguyễn Văn L, kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, ông Lam là người cao tuổi nên theo quy định tại điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn án phí Dân sự phúc thẩm cho ông Lam.

Về án phí dân sự: Người khởi kiện của ông Trương Bảo T không được chấp nhận nên ông T phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự; Chấp kháng cáo của ông Nguyễn Văn D và ông Trần Đình T; không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn L; Sửa một phần bản án sơ thẩm.

2. Áp dụng Điều 256 Bộ luật dân sự 2005; Điều 100, Điều 202, Điều 203 Luật đất đai. Điều 26, Điều 147, Điều 148, Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Bảo T đối với yêu cầu:

- Buộc ông Nguyễn Văn D và bà Đỗ Thị N trả lại phần diện tích đất 19,9m^2 tại thửa đất số 73, tờ bản đồ số 23 tại khối 5A, Thị Trấn T, huyện H, tỉnh N

- Buộc ông Trần Đình T, bà Dương Thị N và anh Trần Đình S trả lại phần diện tích 61,5m^2 tại thửa đất số 73, tờ bản đồ số 23 tại khối 5A, Thị Trấn T, huyện H, tỉnh N cho ông Trương Bảo T và bà Phan Thị Kiều O.

- Đình chỉ việc giải quyết yêu cầu của ông Trương Bảo T đối với yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn L và bà Đinh Thị L trả lại phần diện tích đất đã lấn chiếm tại thửa số 73, tờ bản đồ số 23 tại khối 5A, Thị Trấn T, huyện H, tỉnh N.

Hậu quả của việc đình chỉ: Nguyên đơn có quyền khởi kiện lại vụ án.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Đình T, ông Nguyễn Văn D và ông Nguyễn Văn L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

4. Về án phí dân sự: Ông Trương Bảo T khởi kiện không được chấp nhận nên phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự nhưng được trừ số tiền 1.150.000đ (Một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004657 ngày 27/02/2014 tại Chi cục thi hành án huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Trả lại cho ông T số tiền 850.000đ (tám trăm năm mươi nghìn đồng) còn lại.

5.Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Bản án Dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Nghệ An;
-TAND,VKSND h. Thanh Chương;
- Chi cục THADS h. Thanh Chương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Hải Minh